TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST Ngày: 05/02/2024 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Phương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiến;
Ông Lê Cát Tưởng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Tạ Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyòn đơn: Chị Đỗ Thị Thỳy C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 0 T, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Húa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: E N, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Húa.

Tại phiên tòa có mặt chị C, vắng mặt anh N không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị Thúy C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy N kết hôn với nhau năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh N còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Mâu thuẫn của vợ chồng chị căng thẳng nhất từ tháng 6/2021, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thúy Q, sinh ngày 04/3/2005 và cháu Nguyễn Đông N1, sinh ngày 03/2/2011. Hiện nay cháu Q đã thành niên nên chị C không yêu cầu Toà án giải quyết. Ly hôn chị C đề nghị Toà án giao cháu N1 cho chị tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị. Kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, cháu N1 vẫn do chị chăm sóc và nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt. Chị là lao động tự do nhưng có thu nhập ổn định mỗi tháng từ 10.000.000 đồng – 12.000.000 đồng. Hiện nay mẹ con chị đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ của chị, nếu chị ly hôn bố mẹ chị đồng ý để mẹ con chị tiếp tục sinh sống cùng ông bà.

Về tài sản, công nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định tố tụng cho anh Nguyễn Duy N nhưng anh N không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải

quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Duy N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh N.

[3] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thúy C và anh Nguyễn Duy N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn của anh chị căng thẳng nhất từ tháng 6/2021, chị C và anh N đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của anh chị cũng đã được gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đã không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp chứng tỏ anh cũng không tha thiết hòa giải để đoàn tụ gia đình. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, tại phiên tòa chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: quá trình chị C và anh N sinh sống tại địa phương vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn của chị C và anh N đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, cho chị được ly hôn anh N là có căn cứ.

[4]. Về con chung*:* Chị C và anh N có hai con chung là Nguyễn Thị Thúy Q, sinh ngày 04/3/2005 và cháu Nguyễn Đông N1, sinh ngày 03/2/2011. Hiện nay cháu Q đã thành niên nên chị C không yêu cầu Toà án giải quyết. Xét thấy kể từ khi chị C và anh N sống ly thân cho đến nay cháu N1 sống cùng với mẹ, chị C vẫn nuôi dạy, chăm sóc cháu bảo đảm tốt về mọi mặt. Hiện nay chị C có thu nhập và chỗ ở ổn định. Cháu N1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Tòa án đã triệu tập anh N để lấy lời khai về việc tranh chấp nuôi con cũng như triệu tập anh N đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, phiên toà tuy nhiên anh N không có mặt để làm việc, cũng không có văn bản ý kiến trình bày gửi cho Tòa án. Vì vậy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1 và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung của chị C có cơ sở để chấp nhận, phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Thúy C được ly hôn anh Nguyễn Duy N.

Về con chung: Chị C và anh N có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thúy Q, sinh ngày 04/3/2005 và cháu Nguyễn Đông N1, sinh ngày 03/2/2011. Hiện nay cháu Q đã thành niên nên chị C không yêu cầu Toà án giải quyết. Ly hôn giao cháu N1 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị Thúy C phải chịu 300.000đồng ỏn phớ ly hụn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng ỏn phớ 300.000 đồng chị C đó nộp theo biờn lai số AA/2022/0002903 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá, chị C đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND P. Tân Sơn, TP Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ..

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Phương